TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST. Ngày: 08-10-2019. "V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1999;
Địa chỉ: ấp Mỹ Đ 3, xã Mỹ T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Bị đơn: Anh Dương Văn K, sinh năm 1993;
Địa chỉ: ấp 3, xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2019; biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ngọc T là nguyên đơn trình bày:

- **Về hôn nhân**: Chị T và anh K kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 08/11/2017. Hôn nhân qua mai mối. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; Nhưng sau đó đời sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Anh K không quan tâm đến vợ con mà còn có lời nói xúc phạm nhân phẩm chị T. Từ khi chị T sinh con chị T, anh K đã ly thân với nhau, sau khi ly thân có tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành.

Nhận thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn K.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 01 con chung tên Dương Ngọc H, sinh ngày 08/4/2019. Hiện nay, con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung**: Không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung**: Không có.

Bị đơn là anh Dương Văn K đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Dương Văn K là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 3, xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Dương Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Dương Văn K.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh K chung sống vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn ngày 08/11/2017 tại UBND xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do đó hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp. Anh K đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết được nội dung chị T yêu cầu xin ly hôn với anh K, nhưng anh K không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng anh K không quan tâm đến vợ, con và thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cự cãi. Hiện nay, chị T, anh K đã sống ly thân. Sau khi ly thân, chị T, anh K có tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Chị T, anh K mỗi người đã có cuộc sống riêng và không ai còn quan tâm nhau. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về con chung**: Chị T, anh K có 01 con chung tên Dương Ngọc H, sinh ngày 08/4/2019. Hiện nay, con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung tên Dương Ngọc H, sinh ngày 08/4/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi và từ khi sinh ra cho đến nay con chung Dương Ngọc H sống với chị T đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, giao con chung tên Dương Ngọc H, sinh ngày 08/4/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Dương Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung**: Không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung**: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006778 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Dương Văn K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi con chung tên Dương Ngọc H, sinh ngày 08/4/2019. Anh Dương Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Ngọc T không có yêu cầu.

Anh Dương Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006778 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Hà